

Số: 795/BC – VMC

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế, mã số doanh nghiệp: 5700495999 cấp ngày 31 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 11 năm 2016; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh;
- Vốn điều lệ: 46.973.510.000 VNĐ;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 VNĐ;
- Địa chỉ: Số 486 đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Số điện thoại: 033.3862319; 033.3862401; 033.3862875;
- Số fax: 033.3862034;
- Website: www.chetaomay.com.vn;
- Mã cổ phiếu: CTT;
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Tiền thân là Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả được thành lập ngày 23/7/1968 theo Quyết định số 739 QĐ/KB2 ngày 23/7/1968 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng; Theo Thông báo số 143/TB ngày 5/5/1993 của Văn phòng Chính phủ về việc cho thành lập lại Công ty Cơ khí mỏ; Bộ Năng lượng có Quyết định số: 468 NL/TCCB-LĐ ngày 30/6/1993 về việc thành lập lại Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả thuộc Công ty Cơ khí mỏ.

Sau khi sáp nhập trở lại Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 28/2001/QĐ-BCN ngày 23/5/2001 của Bộ Công nghiệp. Ngày 12/5/2004 Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Chế tạo máy Than Việt Nam

Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 3675/QĐ-BCN Ngày 18/12/2006 Bộ Công nghiệp. Công ty đã Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty vào ngày 28/2/2008 và được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động từ 3/2008.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo, sửa chữa, phục hồi các thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành khai thác mỏ và các ngành kinh tế khác.

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Hiện nay Công ty đang cung cấp các dịch vụ sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
2.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển chuyển động	2814
3.	Sản xuất thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
4.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
5.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
6.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác)	3315
9.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12.	Đúc sắt, thép	2431
13.	Đúc kim loại màu	2432
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
16.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Sản xuất nồi hơi(trừ nồi hơi trung tâm)	2513
19.	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
20.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
21.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
22.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
23.	Xây dựng công trình công ích	4220
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
25.	Phá dỡ	4311
26.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27.	Sản xuất khác chưa phân vào đâu	3290
28.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa phân vào đâu	3099
29.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và to xe	3020
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	
31.	Bán buôn thực phẩm - Bán buôn thủy sản - Bán buôn thực phẩm khác	4632
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Thiết kế cơ điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp - Thiết kế cơ khí công trình xây dựng	7110
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Bao gồm

* **Đại hội đồng cổ đông:** ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

* **Hội đồng quản trị:** HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ quy định.

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

* **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty về mọi mặt nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo mọi hoạt động của công ty hoàn toàn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ.

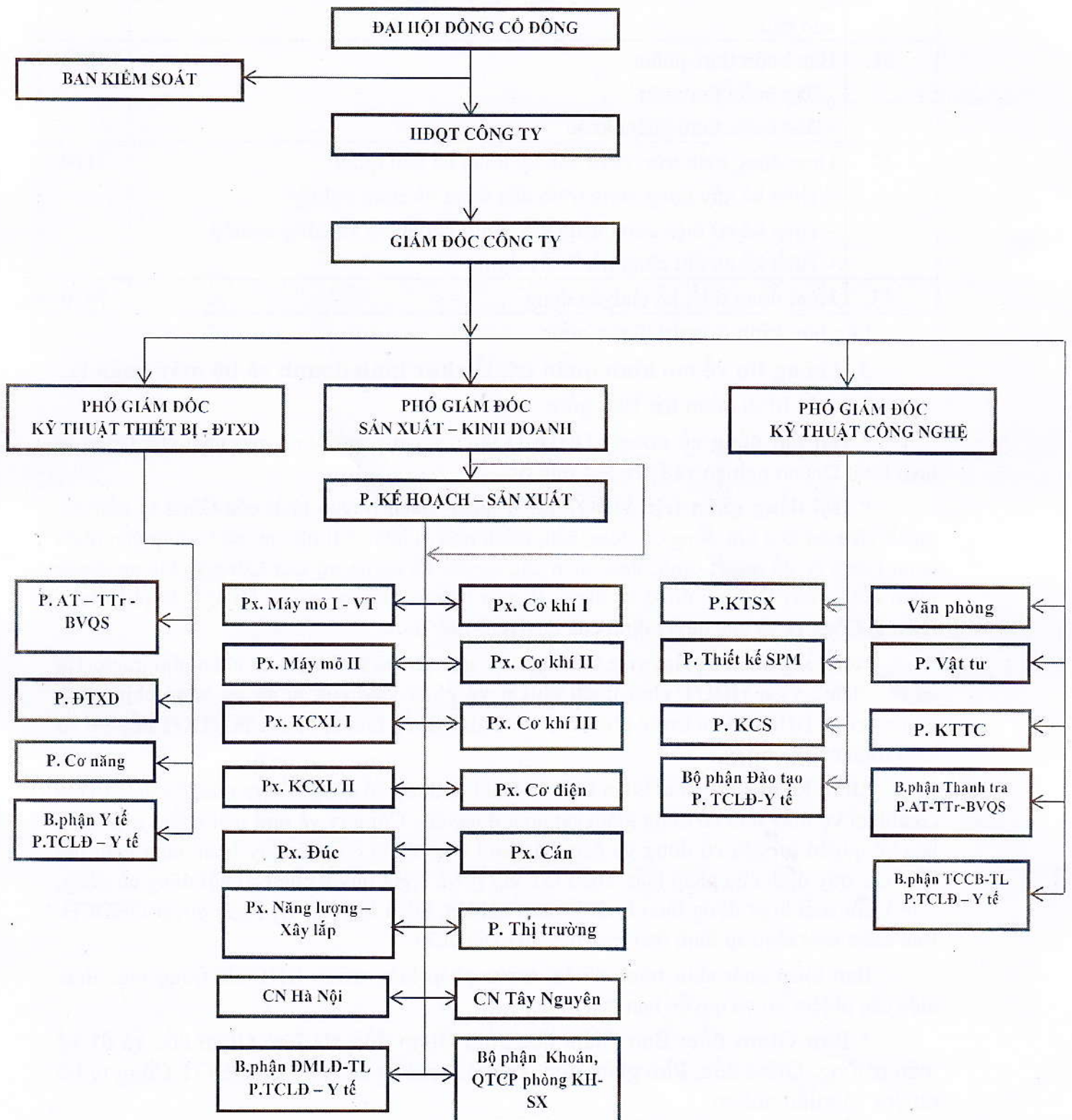
Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

* **Ban Giám đốc:** Ban Giám đốc gồm Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 kế toán trưởng. Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng công ty do HĐQT Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

Phó Giám đốc là người trợ giúp, tham mưu, tư vấn cho Giám đốc theo các chức năng nhiệm vụ được phân công.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY (Tại thời điểm 31/12/2016)



Chức năng nhiệm vụ các phòng ban, phân xưởng được quy định cụ thể theo quyết định của Giám đốc Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN tại Hà Nội và Văn phòng đại diện của Công ty tại Tây Nguyên được

quy định theo quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định.

* Chi nhánh của Công ty tại Hà Nội

a. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN TẠI HÀ NỘI;

Địa chỉ chi nhánh: số 93 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 045144128

Fax: 045144109

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành(theo phân ngành kinh tế quốc dân)
1	Chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị và phụ tùng cho các ngành khai thác khoáng sản, năng lượng và các ngành khác;	2924: (29241; 292411; 292412;) 29242; 2913
2	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đúc, cán kéo thép, kết cấu kim loại, khí ô xy-ni tơ;	28: (281; 2811; 28112; 281123; 281124; 28113-281130); 2812: (281121; 281129;); 2813 ; 289: (2891; 28911-289110; 28912; 2892; 28921-289210;241128;241129, 2711-2720
3	Kinh doanh ống thép áp lực, thiết bị áp lực cao	269521; 2919;
4	Chế tạo phụ tùng và sửa chữa phương tiện vận tải thủy;	35112-351120; 352-3520
5	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và ống bê tông chịu áp lực cao;	269521; 5234; 5143
6	Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp và dân dụng, san lấp, tôn tạo mặt bằng;	45: (451-4510; 45112-451110;) ; 452; 4523; 453-4530
7	Mua bán , xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hoá, đại lý;	511-5110: (5112-5120; 51131-511310); 5142; 5239; 51454; 5149; 5239; 524-5240; 515: 5155150

* Văn phòng đại diện tại Tây Nguyên

b. Tên văn phòng đại diện: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY- VINACOMIN TẠI TÂY NGUYÊN- BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN VVNV.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông;

Điện thoại: 05013649395 ;

Fax: 05013649396;

4. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về đầu tư, quản trị lao động, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách nhà nước và đưa Công ty ngày càng phát triển theo hướng: Hiện đại hoá cơ khí sửa chữa, tăng cường đẩy mạnh cơ khí chế tạo tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất, thực hiện đề án tái cơ cấu lại Công ty. Nâng cao năng lực sản xuất, bảo đảm chất lượng, tiến độ cung cấp sản phẩm đã cam kết với khách hàng. Từng bước củng cố và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động và góp phần an sinh xã hội.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2017-2020

Chỉ tiêu \ Năm	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020
Doanh thu (tỷ đồng)	1.135	1.214	1.299	1.390
Tỷ lệ % (so với năm trước)	106	107	107	107
Lợi nhuận (triệu đồng)	8.000	8.500	9.000	10.000
Lao động (người)	1065	1065	1065	1065
Thu nhập b/q (1.000đ/ng/th)	7.151	7.500	7.850	8.300

Đảm bảo môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật BVMT. Kiểm soát chất thải từ quá trình sản xuất không để phát tán ra môi trường. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường. Đặc biệt quan tâm đến việc xử lý nước thải sau mạ, khí thải tại phân xưởng Cán thép, phân xưởng Đúc, bụi từ công nghệ phun cát làm sạch chi tiết... Tiếp tục thực hiện các các biện pháp cải thiện môi trường lao động, môi trường cảnh quan trong Công ty. Thực hiện cải tạo hệ thống nhà xưởng; đầu tư thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị cũ đã lạc hậu....

5. Các rủi ro:

Là đơn vị chuyên sản xuất, cung cấp dây chuyền, thiết bị phục vụ cho sản xuất khai thác mỏ của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ biến động của hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ than, khoáng sản cũng như hoạt động chung của Tập đoàn. Nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán, biến động của giá sắt thép và các phụ tùng liên quan sẽ gây biến động lớn trong chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Mặt khác phương tiện, thiết bị phần lớn đã già cỗi, lạc hậu, xuống cấp; nguồn nhân lực tại một số thời điểm chưa đáp ứng được yêu cầu nên khi triển khai các dự án công trình lớn gặp khó khăn. Thị trường của Công ty phụ thuộc lớn vào kế hoạch đầu tư, số lượng sửa chữa, trung tu thiết bị của các đơn vị trong ngành, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không trách khỏi áp lực phải hạ giá thành sản phẩm và lợi nhuận, mặt khác

lại đòi hỏi doanh nghiệp phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị trường tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ sản phẩm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh chung trên toàn quốc, kinh tế đất nước còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với ngành than việc tiêu thụ than gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến các đơn vị trong ngành tiết giảm sản lượng, thu hẹp diện sản xuất. Tình hình tài chính của các đơn vị trong TKV nói chung và của Công ty gặp khó khăn, công nợ tăng cao. Bên cạnh đó Công ty tiếp tục gặp những khó khăn đã tồn tại từ những năm qua đó là: Lực lượng lao động lành nghề giảm sút, phần lớn máy móc thiết bị già cỗi, lạc hậu làm cho năng suất lao động thấp; Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp...

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã kịp thời nắm bắt tình hình, hàng tháng đều ra các nghị quyết để chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn. Giám đốc điều hành Công ty đã tập trung điều hành thực hiện các phương án tìm kiếm việc làm kết hợp với tăng cường các mặt quản lý, đặc biệt là triển khai kịp thời hàng loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế trả lương điều chỉnh, Quy chế quản lý vật tư,...vv, nhằm giảm thiểu chi phí quản lý Công ty năm 2016 và những năm tiếp theo, song song với việc xây dựng lại định mức chi phí quản lý Công ty, định mức lao động tiền lương phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và pháp luật hiện hành;

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và được sự phối hợp lãnh đạo sâu sát của Ban chấp hành Đảng uỷ, sự phối hợp của các đoàn thể Công đoàn, Thanh niên, Cựu chiến binh, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của CBCNV Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông, Công ty đã tận dụng được những cơ hội trong khó khăn để hoàn thành mục tiêu: Duy trì sản xuất, bảo toàn đội ngũ và giữ vững ổn định đời sống của người lao động. Thực hiện đạt các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông đề ra, vốn của các cổ đông được bảo toàn. Cụ thể kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	KH Đại hội cổ đông 2016	KH Điều chỉnh năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ %		
							So với TH 2015	So với KH ĐHCĐ 2016	So với KHDC 2016
1	2	3	4	5	6	7	7/4	7/5	7/6
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	954.886	1.135.000	1.070.000	1.094.835	115	96	107
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	475.696	455.803	455.803	505.746	106	111	111
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.905	7.400	7.800	8.004	101	108	103
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.042			5.569	92		

5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%	12,2			10,1	83		
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%	12,9			11,9	92		
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	553.280			531.322	96		
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.		253.519			257.275	101		
8	Nợ dài hạn	Tr.đ	102.274			59.666	58		
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.		102.274			59.413	58		
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn		0,84			0,80			
10	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	89.932	85.134	85.134	94.533	105	111	111
11	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	1.072	1.072	1.060	1.058	98,6	98,6	99,8
12	Thu nhập b/q theo LD trong danh sách	Tr.đ/n g/th	6.991	6.159	6.693	7.474	106	121	111
13	Cổ tức	%	8	8	8	8	8	8	8

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách Ban Điều hành tại thời điểm 31/12/2016:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Giám đốc C.ty	Đại diện phần vốn TKV	Từ 30/5/2016
2	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT - P.Giám đốc C.ty	14.107	
3	Lê Viết Sự	P.Giám đốc C.ty	11.662	
4	Tăng Bá Khang	P.Giám đốc C.ty	9.911	
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng công ty	22.594	

***Những thay đổi trong Ban điều hành:** Ban Giám đốc hiện nay gồm 05 thành viên. Trong kỳ từ ngày 30/5/2016 ông Phạm Minh Tuấn được bầu bổ sung vào là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty (ông Trần Văn Chiều nghỉ chế độ hưu trí)

* **Số lượng CBCNV trong Công ty tại thời điểm 31/12/2016:** Gồm 946 người bao gồm :

- Trình độ Thạc sỹ : 01 người ;
- Trình độ Đại học : 180 người ;

- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp : 18 người ;

- Công nhân kỹ thuật : 747 người ;

* Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty ổn định và phát triển bền vững, hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thông qua việc tuyển dụng bổ sung và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ hàng năm và hàng kỳ, đồng thời sắp xếp bố trí lao động làm việc ở các vị trí hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động phát huy được năng lực, trí tuệ của mình trong công tác, trong học tập, nghiên cứu, quản lý để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

- Chính sách đào tạo

Các chính sách về đào tạo hàng năm luôn được Công ty chú trọng. Các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo định kỳ hàng năm cho 100% nhân viên trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý các cấp, nhân viên phục vụ ở các lĩnh vực liên quan luôn được Công ty thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, Công ty cũng cử các cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc ở tất cả các bộ môn quản lý có liên quan như: Công tác quản lý lao động tiền lương, nghiệp vụ văn phòng, thị trường, Tài chính Kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, công nghệ môi trường, an toàn lao động... Đối với các lao động trực tiếp, Công ty đào tạo nâng cao kiến thức lý thuyết và tay nghề và tổ chức thi nâng bậc lương hàng năm.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho CBCNV công khai, công bằng, chính sách lương thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để CBCNV sáng tạo trong công việc gắn bó lâu dài với Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi, không bình quân chủ nghĩa đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến các nhân viên có chuyên môn giỏi, trình độ cao..Bên cạnh đó, Công ty còn trích quỹ tiền lương k huyến khích, quỹ khen thưởng để thưởng cho CBCNV vào các ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày 01/5, ngày 02/9....

Bên cạnh việc đảm bảo các chế độ đối với người lao động theo Bộ luật lao động Công ty luôn quan tâm chú trọng đến hoạt động của các tổ chức đoàn thể. Tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả và đã tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công đoàn thường xuyên có các hoạt động thăm hỏi, quà mừng lễ tết thiếu nhi, tổ chức các hội thi thể thao cho CBCNV. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên, tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai.

- Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng 8%/ năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt và Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Cụ thể như sau:

Thực hiện: 11.833 triệu/12.629 triệu đồng đạt 93,4% kế hoạch điều chỉnh năm.

- Trong đó: + Dự án duy trì phát triển sản xuất 2015-2016: 7.092 triệu đồng;
- + Dự án Phục hồi tài sản cố định năm 2016: 3.575 triệu đồng;
- + Dự án cải tạo nhà ăn công nghiệp: 826 triệu đồng;
- + Dự án trang bị phần mềm kế toán: 190 triệu đồng;
- + Lập BCKTKT DA khu đô thị phía Bắc: 150 triệu đồng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát nội dung yêu cầu quy định trong Luật xây dựng; Hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định.

Các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành, đặc biệt dự án cán thép vì lò đã hoàn thành bàn giao đưa vào hoạt động từ tháng 9/2015. Việc dự án hoàn thành đã góp phần vào doanh thu tạo thêm việc làm và nâng cao đời sống cho CBCNV.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	710.143.046.394	651.083.605.005	92
Doanh thu thuần	952.504.281.596	1.091.816.220.660	115
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.844.175.521	10.775.659.182	137
Lợi nhuận khác	60.996.653	-2.771.444.715	-4.544
Lợi nhuận trước thuế	7.905.172.174	8.004.214.467	101
Lợi nhuận sau thuế	6.042.131.195	5.569.114.987	92

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (<i>TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn</i>)	0,84	0,80	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [<i>(TS ngắn hạn – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn</i>]	0,57	0,44	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,92	0,91	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	12,01	10,71	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
- Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,09	5,22	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,34	1,68	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0063	0,0051	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,009	0,009	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,82	0,99	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số CP đang lưu hành: 4.697.351 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần

- Loại cổ phần. Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226, Đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	1.925.100	40,98
2	Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo máy	486 Đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	70.466	1,5
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24, Đường Cù Chính Lan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	345.000	7,4

4	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Số 22 Đường Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	72.271	1,5
5	Cổ đông là cá nhân		2.284.514	48,62
Tổng số			4.697.351	100

- Danh sách cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông lớn	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226, Đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	1.925.100	40,98
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24, Đường Cù Chính Lan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	345.000	7,4

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Trong năm 2016 Công ty không phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

- Việc bảo vệ môi trường tại mặt bằng sản xuất của Công ty và tại các địa điểm thi công luôn được Công ty thực hiện một cách nghiêm túc theo Luật định. Tránh gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân trên địa bàn gồm: Đề án bảo vệ môi trường, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 32/QĐ-TNMT ngày 22 tháng 01 năm 2009; Hồ sơ xin cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, được Sở tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy phép xả thải số 404/GP-TNMT ngày 16 tháng 9 năm 2016.(thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2005/GP-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2011, đã hết hạn); Xác nhận việc hoàn thành các công trình BVMT được cấp giấy xác nhận số 2347/MT-TNMT ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh xác nhận việc Công ty đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án Bảo vệ môi trường của Công ty; Giấy xác nhận bổ sung các công trình bảo vệ môi trường số 1445/GXN-TNMT ngày 22/5/2014 và số 4028/TNMT-BVMT ngày 15/9/2016; Hồ sơ xin đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và bổ sung công trình tự xử lý chất thải nguy hại, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Mã số quản lý chất thải nguy hại 22.000.091.T; Định kỳ thuê các đơn vị có chức

năng thực hiện quan trắc môi trường tổng thể theo quy định của Đề án Bảo vệ môi trường 6 tháng/lần; quan trắc và phân tích môi trường nước thải theo đề án xả thải 1 quý/lần.

Nhờ tuân thủ các quy định về môi trường nên trong quá trình sản xuất của Công ty không vi phạm và không bị xử phạt về vi phạm môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

* Tình hình tiêu thụ điện năng năm 2016

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Sản lượng điện tiêu thụ toàn Công ty 2016:	10.753.000	kWh
- Sản lượng điện tiêu thụ cho sản xuất:	10.542.000	kWh
- Sản lượng điện tiêu thụ cho sinh hoạt:	211.000	kWh

b) Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Thay thế đèn chiếu sáng công nghiệp thế hệ cũ bằng đèn led tiết kiệm điện: Kết quả thí điểm sử dụng 15 bộ đèn Led chiếu sáng 150W: Tiết kiệm 45.500 kWh/năm so với bóng chiếu sáng 300W thế hệ cũ (Ước tính thời gian sử dụng 3h/ngày, 15 ngày/tháng, 6 tháng/năm)

- Đầu tư thiết bị lọc sóng hài và bù công suất phản kháng: Tiết kiệm công suất phản kháng 11.730.000 kVAR, tương đương chi phí khoảng 4.8 tỷ đồng mua công suất phản kháng.

- Sử dụng phụ tải công suất lớn vào giờ thấp điểm.

* Tình hình tiêu thụ nước năm 2016

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước máy:	85.500 m ³
- Nước tuần hoàn:	160.000 m ³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng .

- Tỷ lệ nước tái chế và tái sử dụng so với lượng nước mua vào:	187%
- Tỷ lệ nước tái chế và tái sử dụng so tổng lượng nước sử dụng:	65,2%

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

Đảm bảo các chế độ cho người lao động: khám chữa bệnh định kỳ, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty; đảm bảo chất lượng, định lượng bữa ăn công nghiệp cho người lao động.

Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ quần chúng nội bộ Công ty và tham gia với Tập đoàn, địa phương. Tổ chức cho CBCNV, người lao động tham quan học tập kinh nghiệm để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương .

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp, Công ty còn thực hiện tốt công tác xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện. Trong năm 2016, Công ty tham gia nhiều hoạt động xã hội như: Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn (Hiện tại đang phụng dưỡng 01 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tại tỉnh Quảng Nam; 01 nạn nhân chất độc da cam tại Phường Bãi Cháy thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh). Ngoài ra trong năm 2016 Công ty thường xuyên ủng hộ các quỹ, các tổ chức nhân đạo từ thiện, thăm hỏi tặng quà cho các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của HĐQT cùng với sự phối hợp lãnh đạo sâu sát của Ban chấp hành Đảng uỷ, sự phối hợp của các đoàn thể Công đoàn, Thanh niên, Cựu chiến binh, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của CBCNV Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông. Bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn, tập trung điều hành thực hiện các phương án tìm kiếm việc làm kết hợp với tăng cường các mặt quản lý, đặc biệt là triển khai kịp thời hàng loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí, Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế trả lương điều chỉnh, Quy chế quản lý vật tư..vv, nhằm giảm thiểu chi phí quản lý Công ty, song song với việc xây dựng lại định mức chi phí quản lý Công ty, định mức lao động tiền lương phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và pháp luật hiện hành, tận dụng được những cơ hội trong khó khăn để hoàn thành mục tiêu: Duy trì sản xuất, bảo toàn đội ngũ và giữ vững ổn định đời sống của người lao động. Thực hiện đạt các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông đề ra, vốn của các cổ đông được bảo toàn. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	KH Đại hội cổ đông 2016	KH Điều chỉnh năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ %		
							So với TH 2015	So với KH DHCĐ 2016	So với KHDC 2016
1	2	3	4	5	6	7	7/4	7/5	7/6
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	46.973	46.973	46.973	46.973	100	100	100
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	954.886	1.135.000	1.070.000	1.094.835	115	96	107
3	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	475.696	455.803	455.803	505.746	106	111	111
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.905	7.400	7.800	8.004	101	108	103
5	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	89.932	85.134	85.134	94.533	105	111	111
6	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	1.072	1.072	1.060	1.058	98,6	98,6	99,8
7	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/n g/th	6.991	6.159	6.693	7.474	106	121	111
8	Cổ tức	%	8	8	8	8	8	8	8

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016
TỔNG TÀI SẢN		710.143.046.394	651.083.605.005
I	Tài sản ngắn hạn	466.840.964.604	424.332.543.893
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.647.456.697	2.511.872.031
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	309.276.705.750	292.012.979.665
4	Hàng tồn kho	149.619.992.827	124.960.108.081
5	Tài sản ngắn hạn khác	4.296.809.330	4.847.584.116
II	Tài sản dài hạn	243.302.081.790	226.751.061.112
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	240.496.705.113	220.493.039.761
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	71.115.004	71.115.004
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	2.734.261.673	6.186.906.347
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		710.143.046.394	651.083.605.005
I	Nợ phải trả	655.553.365.498	590.987.823.562
1	Nợ ngắn hạn	553.279.665.969	531.322.282.467
2	Nợ dài hạn	102.273.699.529	59.665.541.095

II	Vốn chủ sở hữu		
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	49.587.562.347	55.156.677.334
2	Thặng dư vốn cổ phần	46.973.510.000	46.973.510.000
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
4	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	5.002.118.549	4.939.104.109
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.626.217.968	7.195.332.955
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		

b. Tình hình nợ phải trả

Thực hiện chủ trương của HĐQT Công ty và để duy trì uy tín trên thị trường, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng với nghĩa vụ tài chính, hiện tại Công ty không có các khoản nợ, khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước nào quá hạn phải trả.

Bảng kê chi tiết các khoản phải trả

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016
I - Nợ ngắn hạn	553.279.665.969	531.322.282.467
1. Phải trả người bán ngắn hạn	188.507.253.110	215.837.059.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	45.839.908.640	581.783.841
3. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	5.287.514.889	1.161.084.977
4. Phải trả người lao động	24.461.726.958	26.079.984.469
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.433.527.393	5.962.389.084
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
9. Phải trả ngắn hạn khác	10.841.512.704	1.281.150.551
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	253.519.485.911	257.274.841.987
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19.665.115.053	21.256.538.278
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.723.621.311	1.887.449.311
13. Quỹ bình ổn giá		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		
II - Nợ dài hạn	102.273.699.529	59.665.541.095
1. Phải trả người bán dài hạn		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		

3. Chi phí phải trả dài hạn		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		
5. Phải trả nội bộ dài hạn		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
7. Phải trả dài hạn khác		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	102.273.699.529	59.413.261.095
9. Trái phiếu chuyển đổi		
10. Cổ phiếu ưu đãi		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
12. Dự phòng phải trả dài hạn		252.280.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Triển khai và ứng dụng văn phòng điện tử, quản lý vật tư; phần mềm kế toán..

Sắp xếp tinh giảm bộ máy quản lý sản xuất: Thực hiện chương trình tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2013 - 2015 có tầm nhìn đến 2020. Trong đó số phòng ban: Từ 16 phòng, ban xuống 12 phòng; Từ 14 phân xưởng xuống còn 11 xưởng và ban hành danh sách định biên lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ các phòng và phân xưởng trong Công ty.

Chú trọng quan tâm công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác...

Luân chuyển vốn hợp lý để tiết giảm chi phí tài chính; Quy hoạch và đào tạo cán bộ, công nhân phù hợp với từng vị trí công việc; Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Phát huy nội lực, ổn định và giữ vững các sản phẩm truyền thống; Tiếp tục phát triển cơ khí chế tạo, hiện đại hóa cơ khí sửa chữa, đổi mới công nghệ, đổi mới chất lượng lao động để tăng năng suất lao động. Chuyển hướng mạnh sang phục vụ cơ khí hóa khai thác than hầm lò, đẩy mạnh hợp tác toàn diện, liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài ngành, trong nước và quốc tế để sản xuất các sản phẩm cơ khí chủ lực phục vụ ngành Than, Điện, Xi măng góp phần hội nhập kinh tế quốc tế đưa VMC trở thành một trong những trung tâm Cơ khí lớn của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam và cả nước.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đúng đắn các thuận lợi và khó khăn trong kinh doanh, đưa ra những quyết sách đúng theo từng thời điểm, tình hình cụ thể, tận dụng tối đa lợi thế trong thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Chủ động áp dụng kịp thời các biện pháp tìm tòi việc làm, áp dụng đồng bộ các giải pháp về quản lý. Hội đồng quản trị Công ty đã phân công công việc cụ thể ở từng nội dung, lĩnh vực công tác cho các thành viên, phối hợp giữa các lĩnh vực chặt chẽ, chỉ đạo sâu sát của các thành viên với ban Giám đốc Công ty.

Về kết quả sản xuất kinh doanh: Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Vốn của cổ đông được bảo toàn, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận, ổn định đời sống người lao động. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2015	KH Đại hội cổ đông 2016	KH Điều chỉnh năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ %		
							So với TH 2015	So với KH DIHCĐ 2016	So với KHDC 2016
1	2	3	4	5	6	7	7/4	7/5	7/6
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	954.886	1.135.000	1.070.000	1.094.835	115	96	107
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	475.696	455.803	455.803	505.746	106	111	111
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.905	7.400	7.800	8.004	101	108	103
4	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	89.932	85.134	85.134	94.890	105	111	111
5	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	1.072	1.072	1.060	1.058	98,6	98,6	99,8
6	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/n g/th	6.991	6.159	6.693	7.474	106	121	111
7	Cổ tức	%	8	8	8	8	8	8	8

Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất. Trong năm 2016, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...Thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất ...vv nhìn chung đã đạt được yêu cầu đề ra.

Về công tác Tổ chức cán bộ:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Đã có nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác tổ chức cán bộ: Phê duyệt danh sách cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ xung.

+ Ban hành các Quy chế quản lý làm cơ sở cho việc điều hành Công ty và các quy chế thường xuyên được ra soát hoàn thiện, trong năm đã bổ sung chỉnh sửa Quy chế đào tạo và tuyển dụng lao động, Quy chế quản lý cán bộ...

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Từ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh. HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2016 tập trung vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân. Đào tạo cập nhật kiến thức về đấu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng. Cụ thể như sau:

Thực hiện: 11.833 triệu/12.629 triệu đồng đạt 93,4% kế hoạch điều chỉnh năm.

Trong đó:

- + Dự án duy trì phát triển sản xuất 2015-2016: 7.092 triệu đồng;
- + Dự án Phục hồi tài sản cố định năm 2016: 3.575 triệu đồng;
- + Dự án cải tạo nhà ăn công nghiệp: 826 triệu đồng;
- + Dự án trang bị phần mềm kế toán: 190 triệu đồng;
- + Lập BCKTKT DA khu đô thị phía Bắc: 150 triệu đồng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát nội dung yêu cầu quy định trong Luật xây dựng; Hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định. Nhìn chung các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã duy trì các cuộc họp thường kỳ hàng tháng và các cuộc họp đột xuất. Các thành viên HĐQT đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, làm việc chủ động, khẩn trương, phát huy hết năng lực của mình, thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng. Luôn đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông và của Công ty. Tuyệt đối trung thành với Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết công nghệ, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng chức vụ, tài sản của Công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức cá nhân khác. Các quyết sách lớn, chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo nguyên tắc tập thể, đồng thuận và tham gia dự họp đầy đủ của các thành viên HĐQT. Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã ban hành 11 nghị

quyết (từ số 84 đến 94), nội dung các nghị quyết đã bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty tại từng thời điểm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên nhiệm vụ giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và kịp thời các biến động trong SXKD để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, vi phạm...Kết quả các cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Kết quả giám sát đối với Giám đốc

Thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ và cụ thể hoá bằng các Nghị quyết của HĐQT, Giám đốc công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện chủ động và khẩn trương. Nhận biết và đánh giá đúng các khó khăn trong kinh doanh; đề ra nhiều biện pháp, quyết định quản lý kịp thời, có hiệu quả trong điều hành sản xuất. Xác định đúng và tập trung chỉ đạo quyết liệt các mục tiêu chiến lược: sản xuất thép cán, sản xuất vì chống lò, sản xuất cột chống thủy lực, giàn chống, giá chống thủy lực, giá chuyển hướng toa xe 30 tấn, các thiết bị cho dự án Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2; đẩy mạnh cơ khí chế tạo; từng bước đào tạo đội ngũ làm Tổng thầu trong đấu thầu các Dự án nhằm tạo ra các cân đối lớn và ổn định trong thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động. Vì vậy Công ty đã vượt qua tình hình khó khăn gay gắt về việc làm, hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết nghị.

Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý

Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc và do Giám đốc công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc. Các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao. Kịp thời ra các mệnh lệnh, quyết định các vấn đề về quản lý, chỉ đạo điều hành các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối, thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc giao đạt hiệu quả tốt. Trong năm qua các cán bộ quản lý cấp phân xưởng, phòng ban đã được HĐQT Công ty đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ được giao, đều đã được bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở dự thảo kế hoạch SXKD năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn thống nhất phương hướng, nhiệm vụ của HĐQT năm 2017 như sau:

1. Mục tiêu trọng tâm đặc biệt quan trọng là chỉ đạo công tác tìm tạo việc làm, khắc phục các khó khăn nhằm tiếp tục duy trì ổn định việc làm, thu nhập và đời sống công nhân lao động.

2. Tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm

quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác... Tiếp tục hoàn thiện quy định khoán chi phí cho các đơn vị sản xuất

3. Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ xung, điều chỉnh các Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật

4. Chú trọng quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo bổ túc chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên, xây dựng đội ngũ cán bộ năng động, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao. Tiếp tục tinh giảm bộ máy quản lý phục vụ, phụ trợ, đồng thời xây dựng các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ chân người lao động có trình độ năng lực thu hút nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng quá trình phát triển trước mắt và lâu dài của Công ty.

5. Tập trung chỉ đạo công tác chất lượng sản phẩm. Chỉ đạo xây dựng chiến lược về sản phẩm, xác định sản phẩm mũi nhọn để tập trung đầu tư năng lực thiết bị, lao động nhằm tạo ra bước ngoặt trong thực hiện chương trình tăng cường cơ khí chế tạo. Thực hiện đăng ký bản quyền sản xuất các sản phẩm.

6. Công tác điều hành sản xuất

- Tiếp tục đổi mới công tác điều hành từ nhận thức đến hành động. Tăng cường củng cố khâu tiếp thị, tìm việc làm, hiệu lực điều hành, tổ chức thực hiện.

- Tổ chức triển khai các nội dung của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo từng tháng, từng quý trong năm đến từng đơn vị sản xuất.

- Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo đúng kế hoạch, hàng quý tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện trên toàn bộ các khâu sản xuất, đặc biệt chỉ đạo sản xuất bảo đảm An toàn, Tiến độ, Chất lượng, Hiệu quả. Chú trọng khâu tiêu thụ sản phẩm, hợp tác sản xuất, thuê ngoài, tăng cường công tác quản lý vật tư, quản trị chi phí sản xuất, rà soát các định mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu, vật tư, lao động; hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức tồn kho hợp lý, đảm bảo dự trữ các vật tư chiến lược ...Nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đạt hiệu quả trong kinh doanh.

7. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều hành, với các tổ chức chính trị- xã hội trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình kinh doanh vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2017, bên cạnh những thuận lợi việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn đặc biệt là về vốn và việc làm. Tuy nhiên trong khó khăn gay gắt chắc chắn sẽ xuất hiện những cơ hội kinh doanh, cơ hội việc làm; Vì vậy đòi hỏi HĐQT và Ban Giám đốc điều hành Công ty phải nắm bắt, chỉ đạo, điều hành kịp thời chớp lấy thời cơ. Khắc phục vượt qua những thách thức gay gắt trước hết là chất lượng và tiến độ, giá thành của sản phẩm do Công ty chế tạo, cung ứng; những nhân tố trên sẽ quyết định khả năng phát triển của Công ty trong năm 2016.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT			Là thành viên HĐQT từ ngày 30/5/2016.
2	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên	14.107	0,3	
3	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, GD Công ty	1.312	0,028	Là thành viên HĐQT từ ngày 30/5/2016.
4	Nguyễn Văn Thế	Thành viên	2.332	0,05	
5	Đình Văn Tấn	Thành viên	4.267	0,091	
6	Trần Văn Chiều	Nguyên Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Cty			Không là thành viên HĐQT từ ngày 30/5/2016.
7	Lê Viết Sự	Nguyên TV HĐQT	12.755	0,27	Không là thành viên HĐQT từ ngày 30/5/2016.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin trong năm 2016 đã tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời đã giúp cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh tháo gỡ các khó khăn đặc biệt trong kinh doanh và Đầu tư xây dựng của Công ty mặc dù gặp rất nhiều khó khăn gay gắt về việc làm, giá cả nhưng đã thực hiện được mục tiêu giữ vững sản xuất, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông.

Các chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới trang thiết bị, cải tạo nhà xưởng, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống đều đúng hướng, đúng mục tiêu. Đã làm thay đổi bộ mặt, hình ảnh của Công ty.

Hạn chế, tồn tại: Mặc dù đạt được rất nhiều thành tích trong công tác thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông, tuy nhiên về công tác quản trị Công ty còn có nhiều hạn chế. Các hạn chế tồn tại này cần phải được khắc phục trong thời gian sớm nhất.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng ban			TB kiểm soát chuyên trách từ tháng 4/2016.
2	Nguyễn Chí Sinh	Ủy viên	1.822	0,039	
3	Chu Thị Việt Trung	Ủy viên	874	0,019	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Nội dung hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị và ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN có 03 thành viên, trong đó Trưởng ban hoạt động chuyên trách từ tháng 4/2016. Các thành viên hoạt động theo sự phân công của Trưởng ban.

Trong năm 2016 Ban kiểm soát luôn duy trì tốt hoạt động giám sát thường xuyên liên tục quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng tháng các thành viên ban kiểm soát chủ động thực hiện chức năng nhiệm vụ do Trưởng ban phân công. Cuối tháng các thành viên tập hợp ý kiến báo cáo Trưởng ban.

Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát họp thông qua các báo cáo giám sát của các thành viên Ban kiểm soát như báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và quý, báo cáo các mặt quản lý của Công ty như lao động, tiền lương, chi phí, giá thành, tồn kho..vv . Báo cáo tình hình hoạt động của hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết được ban hành, Báo cáo hoạt động của Ban điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Định kỳ sáu tháng và kết thúc năm báo cáo, Ban kiểm soát thực hiện lịch thông báo kế hoạch kiểm tra kiểm soát tổng thể các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra tuân thủ, hợp lệ hệ thống chứng từ chi phí hạch toán kế toán. Thẩm định các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm. Thẩm định báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh và các báo cáo khác như đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý lao động tiền lương, quản lý máy móc thiết bị, quản lý vật tư ..vv.

Kết quả các cuộc họp: Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá các nội dung kiểm soát gửi Hội đồng Quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát

Ủy viên HĐQT, Trưởng ban BKS (05 người): 4.140.000 đồng/người -tháng

Ủy viên BKS, Thư ký Công ty (03 người) : 3.780.000 đồng/người -tháng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán(AASC) kiểm toán (Theo tài liệu đính kèm)./.

Nơi nhận

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Website: www.chetaomay.com.vn;
- HĐQT;
- BKS, BGD, KTT;
- Lưu VP, TKý Công ty.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn